TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21-4-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Phi Hùng

Ông Đinh Chí Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2026 giữa các đưOg sự:

- *Nguyên đO:* Ông Trịnh Văn L, sinh năm 1964 (có yêu cầu xin vắng)

Căn cước công dân số 096064000302, cấp ngày 12/02/2025.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đO:* Bà Võ Thị P, sinh năm 1965

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đO khởi kiện ngày 02/01/2026 ông Trịnh Văn L trình bày:*

Ông L và bà P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống, thường xuyên cự cải nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau. Vì vậy ông L yêu cầu ly hôn với bà P.

Thời gian chung sống ông L và bà P có con chung tên Trịnh Kiều D, sinh năm 1986; Trịnh Chí O, sinh năm 1989; Trịnh Mộng C, sinh năm 1994; Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên theo ai người đó nuôi dạy

Về tài sản chung ông L và bà P tự thỏa thuận.

Về nợ chung không có nên ông L không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trịnh Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị P. Ông L và bà P chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nhưng chung sống với nhau vào năm 1986 nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông L có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà P nhưng bà P không có văn bản ý kiến về yêu cầu của ông L và vắng mặt tại lần hòa giải, xét xử không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà P chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên do ông P và bà P chng sống với nhau vào năm 1986 nên theo Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông L yêu cầu ly hôn với bà P.

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do bà P vắng mặt khi hoà giải, xét xử không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho ông Trịnh Văn L và bà Võ Thị P được ly hôn.

[4] Thời gian chung sống ông bà có con chung tên Trịnh Kiều D, sinh năm 1986; Trịnh Chí O, sinh năm 1989; Trịnh Mộng C, sinh năm 1994; Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 1999. Do con chung đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu giải quyết là có cơ sở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P xác định thời gian chung sống ông bà có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận, nợ chung không có nên ông L không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do ông L là người cao tuổi và có đơn xin miễn nên không phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn L với bà Võ Thị P về việc yêu cầu ly hôn.

1.Về hôn nhân: Ông Trịnh Văn L và bà Võ Thị P được ly hôn.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trịnh Văn L không phải nộp án phí.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đươOg sự;
-VKSND khu vực 2 – Cà Mau;
-Phòng THADS khu vực 2 – Cà Mau;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang